| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐỨC TRỌNG**<br>TỈNH LÂM ĐỒNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/5/2022

V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG – TỈNH LÂM ĐỒNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông K' Bửu

2. Bà Huỳnh Ngọc Anh

***Thư ký phiên toà*:** Bà Lường Thị Phương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 104/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/5/2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Đậu Thị L, sinh năm: 1992;

Địa chỉ: Tổ X, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*2. Bị đơn:* Ông Bùi Ngọc C, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Tổ X, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Nơi cư trú hiện nay: Xã N, thị trấn Đ, tỉnh Gia Lai.

*(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt có đơn xin vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 03 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đậu Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Bùi Ngọc C kết hôn vào tháng 05 năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã A, tỉnh Hà Tĩnh. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình nhà chồng tại thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, ông Bùi Ngọc C không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, ham chơi gây nợ nần rất nhiều, bà và gia đình đã khuyên

nhủ nhiều lần nhưng ông C vẫn không thay đổi, hiện bà và ông C đã sống ly thân một thời gian. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Ngọc C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Bùi Gia K, sinh ngày 05/4/2018 và Bùi Gia H, sinh ngày 08/9/2020, hiện con Gia K đang ở với ông C, con Gia H đang ở với bà. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các con thành niên, bà không yêu cầu ông Bùi Ngọc C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

*Tại đơn xin vắng mặt gửi đến Tòa án ngày 25/4/2022 ông Bùi Ngọc C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Đậu Thị L.

Về con chung: Ông không có ý kiến, yêu cầu gì về việc nuôi dưỡng con chung và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên bị đơn ông Bùi Ngọc C có đơn xin vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, yêu cầu nuôi con. Bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Bà Đậu Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn và yêu cầu nuôi dưỡng con chung đối với ông Bùi Ngọc C. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*. Bị đơn ông Bùi Ngọc C hiện nay đang cư trú tại xã N, thị trấn Đ, tỉnh Gia Lai, tuy nhiên ông C có văn bản đồng ý Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giải quyết vụ án ly hôn giữa ông và bà Đậu Thị L, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*[2] Về sự vắng mặt của đương sự*: Tại phiên tòa, bị đơn ông Bùi Ngọc C vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Bùi Ngọc C.

*[3] Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Đậu Thị L và ông Bùi Ngọc C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã A, tỉnh Hà Tĩnh theo giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 30/5/2017, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Đậu Thị L và ông Bùi Ngọc C là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân, là do các bên thường xuyên bất đồng quan điểm sống, ông C không có trách nhiệm với gia đình, ham chơi gây nợ nần, lâu dần vợ chồng không còn tình cảm. Bà L yêu cầu ly hôn, ông C đồng ý ly hôn với bà L. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà L và ông C đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Đậu Thị L.

*[4] Về con chung:* Bà Đậu Thị L và ông Bùi Ngọc C có 02 con chung tên là Bùi Gia K, sinh ngày 05/4/2018 và Bùi Gia H, sinh ngày 08/9/2020. Ly hôn, bà L yêu cầu nuôi dưỡng 2 con chung cho đến ngày các con thành niên, ông C không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, các con còn nhỏ, con Gia Hưng (chưa đủ 36 tháng tuổi), rất cần sự chăm sóc của người mẹ, ông C không có ý kiến, yêu cầu gì về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, cần giao hai con Bùi Gia K và Bùi Gia H cho bà Đậu Thị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung.

*[5] Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà Đậu Thị L không yêu cầu ông Bùi Ngọc C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*[6] Về tài sản chung:* Bà L và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*[7] Về nợ chung:* Bà L và ông C xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*[8] Về án phí:* Nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đậu Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đậu Thị L được ly hôn với ông Bùi Ngọc C.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Bùi Gia K, sinh ngày 05/4/2018 và Bùi Gia H, sinh ngày 08/9/2020 cho bà Đậu Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến ngày con thành niên.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Đậu Thị L không yêu cầu ông Bùi Ngọc C cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Buộc bà Đậu Thị L phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 0007306 ngày 14/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Bà Đậu Thị L đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm, riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã L, thị xã A, tỉnh Hà Tĩnh (số 37, ngày 30/5/2017);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*Đã ký*

**Trần Thị Hằng**